

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 8 - 2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Dương Trọng V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu đô thị H, phường P, thành phố Hải Phòng.

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Dương Trọng V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Dương Trọng V và bà Trần Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/11/1988. Trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thương yêu nhau. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đến năm 1991 bà T bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy không còn tình

cảm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông V làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông V và bà T có 01 người con chung là chị Dương Thị T1, sinh ngày 25/9/1989 hiện nay chị T1 đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Theo bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà T và ông Văn tự N kết hôn vào năm 1988 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay ông V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là chị Dương Thị T1, sinh ngày 25/9/1989, hiện chị T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trọng V.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Dương Trọng V và bà Trần Thị T.

Về con chung: Chị Dương Thị T1 đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Viện kiểm sát, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, ông Dương Trọng V và bà Trần Thị T đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hoàn toàn tự nguyện ông, bà có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/11/1988 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa ông V và bà T thường xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 1991 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm của ông, bà đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Các bên đều thuận tình ly hôn, việc thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V và bà T.

[3]. Về con chung: Ông V và bà T có 01 người con chung là chị Dương Thị T1, sinh ngày 25/9/1989, hiện chị T1 đã trưởng thành và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Dương Trọng V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án. Các Điều 51, 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trọng V.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Dương Trọng V và bà Trần Thị T.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Trọng V và bà Trần Thị T chấm dứt, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Dương Trọng V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số

0004555 ngày 25/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đắk Lắk;
- UBND phường P, thành phố Hải Phòng ;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đoàn